

Số: 731/2020/QĐST-HNGĐ

Gò Vấp, ngày 08 tháng 7 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 541/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Bà Từ Thị Thu N, sinh năm 1963; địa chỉ: Số 4B đường Nguyễn Văn N, Phường B, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Hà Kim B, sinh năm 1960; địa chỉ địa chỉ: Số 4B đường Nguyễn Văn N, Phường B, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 30 tháng 6 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 30 tháng 6 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Bà Từ Thị Thu N và Ông Hà Kim B.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ vợ chồng: Bà Từ Thị Thu N và Ông Hà Kim B thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 00056 quyền số 2/1987, ngày 15/9/1987 do Ủy ban nhân dân Phường B, quận G, TP. Hồ Chí Minh cấp Ông Hà Kim B và Bà Từ Thị Thu N không còn hiệu lực.

Về con chung: Có hai con chung tên Hà Thụy Tuyết Tr, sinh ngày 04/02/1989 và Hà Ngọc T, sinh ngày 22/11/1992 (Các con đã trưởng thành).

Về tài sản chung: Bà Nguyệt và ông Bình không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Bà Từ Thị Thu N và Ông Hà Kim B mỗi người phải chịu 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng). Bà N tự nguyện chịu thay tiền án phí cho ông B và được cân trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) bà N đã đóng tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2019/0026119 ngày 20/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh. Hoàn trả lại cho bà Nguyệt 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp;
- Chi cục Thi hành dân sự quận Gò Vấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đã ký

Lê Thị Thành Huế

